

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa sau 30 năm Đổi mới kinh tế ở Việt Nam

Đỗ Hoài Nam *

Tóm tắt: Qua 6 kỳ Đại hội Đảng kể từ Đại hội Đảng lần thứ VI, đã có nhiều bước tiến trong tư duy lý luận và chỉ đạo thực tiễn để từ bỏ mô hình công nghiệp hóa tập trung quan liêu bao cấp của Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu (cũ) để từng bước chuyển sang mô hình công nghiệp hóa mới. Mô hình công nghiệp hóa (kỳ vọng) này được bước đầu định hình từ Hội nghị Đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ Đại hội Đảng VII, VIII, được bổ sung, hoàn thiện và phát triển ở Đại hội Đảng IX, X và XI.

Từ khóa: Đổi mới kinh tế; mô hình công nghiệp hóa; công nghiệp hóa; hiện đại hóa; Việt Nam.

1. Mô hình và quan điểm

Sâu chuỗi các luận điểm, quan điểm của Đảng qua 6 kỳ Đại hội có thể khái quát về mặt lý luận, mô hình công nghiệp hóa được quyết định tại Đại hội lần thứ VI là mô hình công nghiệp hóa rút ngắn hiện đại.

Trong gần 30 năm đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đất nước đã đạt được những thành tựu rất to lớn và có ý nghĩa lịch sử. Những thành tựu này bắt nguồn từ thay đổi nhận thức và đổi mới tư duy về phát triển nói chung và về công nghiệp hóa nói riêng. Xét riêng về công nghiệp hóa, nhiều quan điểm cơ bản của Đảng đã đi từng bước hiện thực hóa và được thực tiễn kiểm định là đúng đắn, phù hợp. Đó là :

(1) Cần và có thể rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, thu hẹp khoảng cách tụt hậu so với thế giới.

(2) Gắn kết công nghiệp hóa với hiện đại hóa, công nghiệp hóa, hiện đại hóa với kinh tế tri thức; công nghiệp hóa, hiện đại hóa

với phát triển bền vững. Kinh tế tri thức là yếu tố quan trọng của nền kinh tế và công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Từng bước phát triển kinh tế tri thức. Phát triển khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là động lực để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nguồn lực con người là yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững đất nước.

(3) Thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa bằng thể chế của nền kinh tế thị trường nhiều thành phần, nhiều hình thức sở hữu. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là sự nghiệp của toàn dân, của mọi thành phần kinh tế. Các doanh nghiệp không phân biệt hình thức sở hữu, thành phần và người dân đều là chủ thể công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

(4) Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong môi trường hội nhập quốc tế và trên cơ sở kết quả của hội nhập quốc tế. Kết

(*) Giáo sư, tiến sĩ, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. ĐT:0913234235. Email: Donam49@gmail.com.

hợp tốt sức mạnh của đất nước, của dân tộc với sức mạnh của thời đại, nội lực và ngoại lực thành sức mạnh và nguồn lực tổng hợp của quốc gia để rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa; nội lực là quyết định, ngoại lực là quan trọng. Bảo đảm độc lập tự chủ của đất nước, của nền kinh tế trong quá trình chủ động và tích cực hội nhập quốc tế dưới tác động của toàn cầu hóa; đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ với nước ngoài. Xây dựng nền kinh tế mở, hướng mạnh vào xuất khẩu; đồng thời thay thế nhập khẩu bằng những sản phẩm trong nước có hiệu quả.

(5) Chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đặc biệt coi trọng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới; phát triển toàn diện nông, lâm ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản; phát triển công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Xây dựng có chọn lọc một số cơ sở công nghiệp nặng trọng yếu và hết sức cấp thiết, có điều kiện về vốn, công nghệ, thị trường, phát huy tác dụng nhanh và có hiệu quả cao. Hình thành một số ngành mũi nhọn như chế biến nông, lâm, thủy sản, khai thác và chế biến dầu khí, một số ngành cơ khí chế tạo, công nghiệp điện tử, viễn thông, thông tin và dịch vụ du lịch, tài chính, cảng biển công nghệ cao; phát triển mạnh và phát huy vai trò chiến lược của kinh tế biển. Xây dựng đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng với kỹ thuật và công nghệ hiện đại. Phát triển mạnh các vùng kinh tế trọng điểm đồng thời tạo điều kiện phát triển các vùng khác trên cơ sở phát huy thế mạnh của từng vùng; đẩy mạnh liên kết vùng để khai thác tốt lợi thế của từng vùng. Từng bước phát

triển có hiệu quả các khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu kinh tế mở, khu kinh tế tự do, khu nông nghiệp công nghệ cao.

Nâng cao sức cạnh tranh của quốc gia, doanh nghiệp và sản phẩm. Đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với tái cơ cấu nền kinh tế. Phát triển nền kinh tế xanh, năng lượng sạch thân thiện với môi trường.

(6) Gắn kết chặt chẽ quá trình công nghiệp hóa với quá trình đô thị hóa; phát triển mạng lưới đô thị phân bố hợp lý trên các vùng nhằm đáp ứng yêu cầu của công nghiệp hóa và thúc đẩy công nghiệp hóa; hiện đại hóa các thành phố lớn, thúc đẩy quá trình đô thị hóa nông thôn.

(7) Phát triển kinh tế đồng thời với phát triển văn hóa và xã hội; bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội, xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong từng bước đi công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

(8) Sử dụng hợp lý và tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường và cải thiện môi trường tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

(9) Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng - an ninh trong từng bước đi của công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

(10) Lấy hiệu quả kinh tế - xã hội làm tiêu chuẩn cơ bản để lựa chọn các quyết định đầu tư, đánh giá kết quả của các dự án phát triển trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

2. Đánh giá tổng quát

Nhìn một cách tổng quát, 10 quan điểm mới của Đảng về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nêu trên là đúng đắn và phù hợp với yêu cầu phát triển của đất nước. Chính vì vậy, những thành tựu mà đất nước có được trong gần 30 năm Đổi mới nói chung và

đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nói riêng là rất quan trọng và có ý nghĩa lịch sử. Từ năm 2009, Việt Nam đã thoát khỏi nhóm các nước nghèo, chậm phát triển để gia nhập danh sách các nước đang phát triển có thu nhập trung bình thấp. Mặc dù chịu tác động nặng nề của cuộc khủng hoảng tài chính Châu Á năm 1998 và khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu năm 2008 - 2009, cơ cấu kinh tế vẫn có bước chuyển dịch tích cực, tăng trưởng của nền kinh tế vẫn đạt tốc độ cao, thuộc nhóm nước có tốc độ tăng trưởng cao nhất thế giới, với tốc độ tăng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) bình quân hàng năm khoảng 7% trong giai đoạn 1986 - 2011 và là một trong 2 quốc gia được các Tổ chức quốc tế đánh giá có thành tích xóa đói giảm nghèo tốt nhất thế giới. Tỷ lệ hộ nghèo đã giảm từ 58% năm 1992 xuống còn 7,8% năm 2013 theo tiêu chí mới. Chỉ số phát triển con người (HDI) theo đánh giá của Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) năm 2013 đã tăng 41% trong vòng 20 năm gần đây và đứng trong nhóm các nước có thu nhập trung bình cao. Đã hoàn thành trước thời hạn 5 Mục tiêu trong tổng số 8 Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ (MGD), trong đó đặc biệt là mục tiêu xóa đói giảm nghèo, bình đẳng giới, giáo dục phổ thông và y tế. Tiềm lực kinh tế của đất nước đã được tăng cường đáng kể, chính trị - xã hội ổn định; quốc phòng và an ninh được giữ vững. Hội nhập quốc tế ngày càng được đẩy mạnh cả chiều rộng lẫn chiều sâu trên hầu hết các lĩnh vực. Uy tín của đất nước ngày càng được nâng cao trong các tổ chức quốc tế và trên các diễn đàn toàn cầu, khu vực và trong quan hệ đa phương và song phương với các quốc gia mà Việt Nam là thành viên tích cực, chủ động và có trách nhiệm, v.v..

Đồng thời với việc khẳng định đậm nét những thành tựu rất lớn đã đạt được trong 30 năm Đổi mới để phát triển đất nước có sự đóng góp tích cực của quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cần nhấn mạnh đến những mặt hạn chế, yếu kém và khuyết điểm đã nảy sinh trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nhìn tổng thể, Việt Nam chưa rút ngắn được quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa để thu hẹp khoảng cách tụt hậu so với thế giới và khu vực. Trong 30 năm Đổi mới, mô hình công nghiệp hóa rút ngắn hiện đại về cơ bản vẫn chưa được hiện thực hóa một cách rõ nét trong thực tiễn. Công nghiệp hóa chưa gắn kết với hiện đại hóa, kinh tế tri thức và phát triển bền vững. Cho đến nay, đất nước vẫn đang ở giai đoạn đầu của công nghiệp hóa với một nền kinh tế nói chung và công nghiệp nói riêng phát triển đậm nét theo chiều rộng, mang nặng tính chất gia công, xuất khẩu tài nguyên và sản phẩm thô, chủ yếu ở chuỗi giá trị thấp và giá trị gia tăng nhỏ; tiêu tốn nhiều vốn, năng lượng và tài nguyên; lao động thủ công vẫn là chủ yếu, sức cạnh tranh và năng suất lao động của nền kinh tế, của nhiều doanh nghiệp và nhiều sản phẩm rất thấp; hủy hoại môi trường. Sự phát triển của nông nghiệp chủ yếu vẫn phụ thuộc rất nhiều vào điều kiện tự nhiên, thời tiết và phương thức canh tác truyền thống, dựa vào đất đai và lao động thủ công và vẫn nặng về sản xuất lúa gạo phẩm cấp thấp, chưa chịu tác động mạnh mẽ của công nghiệp, công nghệ và dịch vụ, nhất là công nghệ cao. Lao động trong nông nghiệp vẫn chiếm gần 50% lao động toàn xã hội, trong đó trên 90% là chưa qua đào tạo và dân số sống ở nông thôn vẫn còn khoảng 70%. Hàng triệu người, kể cả

những người đã qua đào tạo thất nghiệp hoặc không có việc làm ổn định. Trình độ khoa học và công nghệ, năng lực nội sinh về khoa học và công nghệ của đất nước thua kém rất nhiều nước; đóng góp của khoa học và công nghệ vào tăng trưởng kinh tế nói chung và năng suất lao động nói riêng vẫn chỉ dao động khoảng từ 12 - 18%. Vẫn còn không ít những vấn đề xã hội và văn hóa rất bức xúc ở nông thôn và đô thị nảy sinh trong quá trình công nghiệp hóa chưa được giải quyết tốt. Nhiều bất lợi và thua thiệt vẫn thuộc về người nông dân, khi mà họ bị thu hồi đất canh tác để phát triển đô thị và các khu công nghiệp, xây dựng các cơ sở công nghiệp và dịch vụ, khi mà độ đoãng của cánh kéo giữa giá các sản phẩm công nghiệp và dịch vụ với giá lúa gạo ngày càng lớn. Phần lớn nông dân và người dân đô thị đang trong tình trạng nghèo tương đối, trong đó không ít người đang thực sự nghèo theo nghĩa tuyệt đối.

Tại sao sau gần 30 năm chủ trương đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn liền với đổi mới toàn diện và đồng bộ đất nước, chúng ta vẫn chưa thể rút ngắn được quá trình công nghiệp hóa để thu hẹp khoảng cách tụt hậu so với thế giới và khu vực như mục tiêu kỳ vọng? Có nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân cơ bản là nền tảng cho sự rút ngắn này chưa được tạo lập một cách đầy đủ và vững chắc. Đó là: nền kinh tế thị trường đầy đủ và hiện đại (xét cả mặt kết cấu lẫn mặt thể chế của nền kinh tế này), cơ sở hạ tầng đồng bộ và hiện đại; khoa học và công nghệ hiện đại, nguồn nhân lực chất lượng cao; hệ thống công ty tư nhân, đa sở hữu với quản trị hiện đại, đủ sức cạnh tranh trên thị trường trong nước quốc tế, tham gia sâu vào chuỗi giá trị và chuỗi phân phối toàn cầu; và cuối cùng là

vai trò vừa là bà đỡ, vừa là nhạc trưởng của nhà nước bảo đảm cho sự rút ngắn.

3. Bài học kinh nghiệm

Sau gần 30 năm đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại gắn chặt với quá trình đổi mới toàn diện và đồng bộ đất nước; từ những thành tựu, yếu kém, hạn chế và khuyết điểm có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm sau đây:

- Luôn giữ vững mục tiêu chính trị của công nghiệp hóa, hiện đại hóa là góp phần làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng và văn minh; công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải nhằm xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật cho sự phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa và để từ đó từng bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

- Giải phóng mạnh mẽ sức sản xuất xã hội trên cơ sở thay đổi nhận thức và đổi mới tư duy phát triển để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Công nghiệp hóa là sự nghiệp của toàn dân, toàn xã hội. Chủ thể công nghiệp hóa là người dân và các doanh nghiệp được bình đẳng kinh doanh theo pháp luật, không phân biệt hình thức sở hữu, thành phần kinh tế.

- Rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa bằng thể chế của nền kinh tế thị trường đầy đủ và hiện đại, khoa học và công nghệ hiện đại, nguồn nhân lực chất lượng cao với tiền lương và tiền công thực sự là động lực khuyến khích sáng tạo và hệ thống các công ty đa sở hữu hiện đại, đủ sức cạnh tranh, có năng lực hội nhập, chiếm lĩnh thị trường trong nước và tham gia ngày càng sâu vào chuỗi giá trị và phân phối toàn cầu.

- Kinh tế tri thức; khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo phải thực sự là nền tảng, là động lực của công nghiệp hóa, hiện đại hóa rút ngắn ở nước ta. Xây dựng

và nuôi dưỡng, khuyến khích tính sáng tạo của đội ngũ trí thức và hệ thống các doanh nghiệp khoa học và công nghệ nhiều thành phần, nhiều hình thức sở hữu.

Đổi mới mô hình tăng trưởng, tái cơ cấu nền kinh tế phải được quyết định chủ yếu bằng thị trường thực sự bình đẳng, minh bạch; bằng kinh tế tri thức, khoa học và công nghệ, nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Giải quyết tốt mối quan hệ nội lực và ngoại lực, kinh tế nội địa và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, hướng mạnh vào xuất khẩu và thay thế nhập khẩu, thị trường trong nước và thị trường nước ngoài, độc lập tự chủ của nền kinh tế và mở cửa, hội nhập quốc tế sâu rộng nhằm tạo sức mạnh tổng hợp của đất nước để rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Thường xuyên chăm lo nâng cao tiềm lực, vị thế, sức cạnh tranh của kinh tế trong nước.

- Nhà nước phải trở thành tác nhân quyết định nhất. Bằng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và chính sách dựa trên bằng chứng khoa học và định hướng thị trường, nhà nước phải làm tốt vai trò nhạc trưởng để định hướng rõ và hỗ trợ tốt cho đổi mới mô hình tăng trưởng, tái cơ cấu nền kinh tế với những trọng điểm và ưu tiên trong phát triển dịch vụ, công nghiệp, nông nghiệp và các phân ngành, các vùng trên cơ sở khai thác tốt đồng thời cả lợi thế cạnh tranh tuyệt đối lẫn lợi thế cạnh tranh động của đất nước và con người Việt Nam.

- Gắn kết công nghiệp hóa, hiện đại hóa với phát triển bền vững; chăm lo phát triển hài hòa kinh tế, xã hội, văn hóa, con người và môi trường trong từng giai đoạn và từng chính sách công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Đặc biệt quan tâm đến cơ chế, chính sách và biện pháp đẩy mạnh công nghiệp hóa nông nghiệp và hiện đại hóa nông thôn vì sự phát triển toàn diện của người nông

dân. Không thể thành công trong rút ngắn quá trình công nghiệp hóa nếu công nghiệp và dịch vụ không thực sự coi phục vụ nông nghiệp và nông thôn là nhiệm vụ đầu tiên phải thực hiện. Các doanh nghiệp công nghiệp và dịch vụ phải trực tiếp liên kết với nông dân để thúc đẩy tái cấu trúc nông nghiệp và nông thôn, đặc biệt là tái cấu trúc ngành sản xuất lúa gạo gắn với xây dựng nông thôn mới.

- Phải định kỳ 5 năm, 10 năm đánh giá quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với các kỳ Đại hội Đảng, xây dựng Chiến lược 10 năm và Kế hoạch 5 năm dựa trên các tiêu chí theo chuẩn mực quốc tế.

4. Một số quan điểm và giải pháp chủ yếu tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030

Trên cơ sở tiếp tục khẳng định tính đúng đắn của những quan điểm của Đảng về công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong 30 năm Đổi mới, chúng tôi đề xuất một số giải pháp chủ yếu tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

(1) Cần cụ thể hóa nội hàm của mô hình công nghiệp hóa rút ngắn hiện đại để tạo sự đồng thuận cao trong nhận thức và chỉ đạo thực tiễn.

Việt Nam là một nước chậm phát triển và là một quốc gia thực hiện công nghiệp hóa muộn. Vì vậy, quan điểm xuyên suốt các kỳ Đại hội Đảng kể từ Đại hội lần thứ IX là phải thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa rút ngắn dưới tác động của kinh tế thị trường, nhà nước pháp quyền và hội nhập quốc tế. Mô hình công nghiệp hóa này đòi hỏi phải gắn kết chặt chẽ công nghiệp hóa với hiện đại hóa. Xét thực chất, đó là mô hình công nghiệp hóa rút ngắn trong bối cảnh hiện đại. Nói cách khác, đó là mô hình

công nghiệp hóa rút ngắn hiện đại, được thực hiện phù hợp với xu hướng và điều kiện phát triển hiện đại của thế giới ngày nay nhằm kết hợp tốt sức mạnh của đất nước và con người Việt Nam với sức mạnh của thời đại toàn cầu hóa để rút ngắn quá trình công nghiệp hóa đất nước.

Đảng cần tiếp tục khẳng định tính đúng đắn trong đổi mới tư duy lý luận và thực tiễn về mô hình công nghiệp hóa rút ngắn hiện đại mà Đảng đã lựa chọn trong quá trình tổng kết 30 năm Đổi mới. Đồng thời cũng cần tiếp tục cụ thể hóa để làm rõ hơn nội dung, điều kiện và cơ hội lớn đan xen thách thức lớn trong 10 - 20 năm tới khi tiếp tục thực hiện mô hình công nghiệp hóa rút ngắn hiện đại này.

Theo dòng chảy tuần tự của sự phát triển mang tính quy luật, nền kinh tế thế giới phải trải qua 2 bước chuyển lớn: *thứ nhất là*, từ nền kinh tế nông dân truyền thống sang nền kinh tế công nghiệp; *thứ hai là*, từ nền kinh tế công nghiệp sang nền kinh tế tri thức. Mới chỉ có những nước công nghiệp và công nghiệp phát triển với khoảng 15 - 20% dân số toàn cầu đã hoàn tất bước chuyển thứ nhất và đang thực hiện bước chuyển thứ hai với những bước đi dài ngắn khác nhau, còn hơn 2/3 số quốc gia trên thế giới chưa hoàn tất bước chuyển đầu tiên. Với lợi thế của người đi sau, các nước công nghiệp hóa muộn, về mặt lý thuyết và từ thành công của một số nước, có cơ hội và khả năng thực hiện đồng thời 2 bước chuyển này trong mô hình công nghiệp hóa rút ngắn hiện đại, ví dụ như Trung Quốc và Ấn Độ, nhưng trọng tâm vẫn đặt vào bước chuyển thứ nhất, thực hiện ngay một số nội dung phù hợp của bước chuyển thứ hai để nhảy vọt cơ cấu và công nghệ, bắt kịp trình độ hiện đại của thế giới về cơ cấu và công nghệ của một số ngành ưu tiên nhằm tạo

điều kiện rút ngắn thời gian thực hiện bước chuyển thứ nhất. Nhưng cũng phải nhấn mạnh rằng, cho đến nay mới chỉ có một số ít nước tận dụng thành công cơ may do thời đại toàn cầu hóa tạo ra để rút ngắn thời gian trở thành nước công nghiệp và nước công nghiệp phát triển.

Việt Nam cũng đang nỗ lực phấn đấu để thành công trong việc thực hiện đồng thời 2 bước nhảy nói trên trong quá trình thực hiện mô hình công nghiệp hóa rút ngắn hiện đại. Để thành công, cần phải:

- Đẩy nhanh tốc độ để có thể rút ngắn thời gian của những bước đi tuần tự trong quá trình chuyển từ nền nông nghiệp cổ truyền sang nền kinh tế công nghiệp và dịch vụ hiện đại trên cơ sở phát huy lợi thế so sánh tuyệt đối về đất đai và lao động của nền nông nghiệp nhiệt đới và của một quốc gia đông dân vào hàng thứ 10 thế giới đang ở thời kỳ dân số vàng và giá nhân công nói chung vẫn còn thấp. Phát triển mạnh những ngành công nghiệp và dịch vụ sử dụng nhiều lao động mà Việt Nam có lợi thế. Công nghiệp và dịch vụ cùng với khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo phải thực sự là đòn bẩy và động lực của việc khai thác tối đa và có hiệu quả tiềm năng và lợi thế so sánh, lợi thế cạnh tranh của nông lâm, ngư nghiệp Việt Nam dưới tác động của kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế.

- Thu hút và sử dụng tốt các nguồn lực bên ngoài, nhất là nguồn lực của các công ty xuyên quốc gia (TNC); kết hợp có hiệu quả nguồn lực bên trong và nguồn lực bên ngoài để thực hiện một số bước nhảy vọt về cơ cấu, đi ngay và đi thẳng vào hiện đại ở một số ngành, lĩnh vực và sản phẩm bằng kinh tế tri thức, khoa học và công nghệ hiện đại, nguồn nhân lực chất lượng cao. Phát triển kinh tế tri thức, nâng cao năng lực nội sinh và trình độ hiện đại của khoa học và

công nghệ và cải cách toàn diện giáo dục và đào tạo trong môi trường hội nhập quốc tế và dựa trên kết quả của hội nhập là điều kiện tiên quyết cho những bước nhảy vọt về cơ cấu và công nghệ. Đến lượt nó, thực hiện thành công những bước nhảy vọt về cơ cấu và công nghệ ở một số ngành và lĩnh vực ưu tiên phù hợp với điều kiện và xu thế phát triển hiện đại của thế giới là cơ sở quyết định thành công trong thực hiện mô hình công nghiệp hóa rút ngắn hiện đại ở nước ta.

Dựa vào những phân tích trên, nội hàm của mô hình công nghiệp hóa rút ngắn hiện đại ở Việt Nam cần được cụ thể hóa như sau:

Mô hình công nghiệp hóa ở Việt Nam là mô hình công nghiệp hóa rút ngắn hiện đại dựa trên lợi thế so sánh và lợi thế cạnh tranh của đất nước và con người Việt Nam; được đẩy mạnh trên cơ sở phát triển kinh tế thị trường và trong môi trường hội nhập quốc tế; gắn kết công nghiệp hóa với hiện đại hóa; công nghiệp hóa, hiện đại hóa với kinh tế tri thức và phát triển bền vững vì con người với tư cách là chủ thể; khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo là động lực và quốc sách hàng đầu.

Việc cụ thể hóa nội hàm của mô hình công nghiệp hóa rút ngắn hiện đại đã thể hiện rõ những tư duy và quan điểm cơ bản của Đảng về công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong bối cảnh mới của toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, phù hợp với điều kiện và xu thế phát triển hiện đại của thế giới ngày nay; vừa làm rõ mục tiêu, vừa xác định chủ thể và các điều kiện không thể thiếu để rút ngắn quá trình Việt Nam trở thành nước công nghiệp và công nghiệp phát triển.

Việc tiếp tục làm rõ về mặt lý luận và thực tiễn mô hình công nghiệp hóa rút ngắn hiện đại ở Việt Nam là rất cần thiết trong quá trình chuẩn bị Đại hội Đảng lần thứ XII.

(2) Tăng trưởng bền vững vì mục tiêu cao nhất và bao trùm là phát triển toàn diện con người Việt Nam với tư cách chủ thể - tư duy định hướng cho các giải pháp chuyển đổi mô hình tăng trưởng, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

Cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu, khủng hoảng nợ công ở Châu Âu đã gây bất ổn kinh tế - xã hội nghiêm trọng cho thế giới và rất nhiều quốc gia. Nó cũng làm sâu sắc những khuyết tật của mô hình tăng trưởng truyền thống. Sau khủng hoảng và để khắc phục những hậu quả của khủng hoảng, hầu hết các nước trên thế giới đã từ bỏ mô hình tăng trưởng truyền thống, chuyển đổi sang mô hình tăng trưởng mới nhằm bảo đảm hài hòa hơn giữa phát triển kinh tế và phát triển xã hội và bảo vệ môi trường; đẩy mạnh tái cơ cấu nền kinh tế, chăm lo nhiều hơn đến vấn đề xóa đói, giảm nghèo, việc làm và thu nhập cho người lao động; bảo đảm an ninh lương thực, an ninh năng lượng, an ninh tài chính - tiền tệ và an sinh xã hội; thân thiện và bảo vệ môi trường. Phát triển bền vững, chuyển đổi mô hình tăng trưởng, tái cấu trúc nền kinh tế đã vượt phạm vi của một quốc gia để trở thành vấn đề toàn cầu. Theo dòng chảy chung này của toàn cầu, Việt Nam cũng phải từ bỏ mô hình tăng trưởng truyền thống của mình để chuyển đổi sang một mô hình tăng trưởng mới nhằm giải quyết tốt hơn bài toán phát triển bền vững trong quá trình thực hiện mô hình công nghiệp hóa rút ngắn hiện đại theo đòi hỏi của đất nước và con người Việt Nam, chủ động và có trách nhiệm góp phần phát triển bền vững thế giới và khu vực.

Phát triển bền vững đã là một trong những quan điểm cơ bản của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2001 -

2010 và giai đoạn 2011 - 2020 và gắn kết chặt chẽ công nghiệp hóa, hiện đại hóa với phát triển bền vững là tư duy lý luận và chỉ đạo thực tiễn mới của Đảng về công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Việc duy trì quá lâu mô hình tăng trưởng nặng về chiều rộng và những sai lầm của chính sách đầu tư, tài khóa và tiền tệ cùng tác động xấu của khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu đã làm tổn hại lớn đến tính bền vững trong phát triển đất nước. Tư duy gắn kết chặt chẽ công nghiệp hóa với phát triển bền vững cũng chưa thực sự được quán triệt để biến thành hành động cụ thể của các ngành, lĩnh vực, vùng miền nên nhìn tổng thể vẫn chưa bảo đảm được sự hài hòa trong phát triển giữa kinh tế với xã hội, văn hóa và môi trường.

Phát triển bền vững đòi hỏi phải thực hiện đồng thời, đồng bộ một hệ thống toàn diện các giải pháp phát triển ở tất cả các bộ phận cấu thành tổng thể trong quan hệ ràng buộc hữu cơ với nhau dù xét trên cấp độ quốc gia, ngành, lĩnh vực và vùng miền hoặc trong mối quan hệ hợp tác phát triển giữa các quốc gia, giữa quốc gia với khu vực và toàn cầu trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Với cách tiếp cận này thì không có một giải pháp đơn lẻ, bộ phận nào có thể giải quyết toàn diện vấn đề phát triển bền vững. Nhưng sự phát triển bền vững ở mỗi bộ phận là cần thiết cho sự phát triển bền vững của tổng thể.

Xuất phát từ bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước trong những năm 2011 - 2013, sự phát triển kinh tế ở Việt Nam đến năm 2020 phải đồng thời đáp ứng 3 yêu cầu:

- Tăng trưởng bền vững; giữa tăng trưởng nhanh và tăng trưởng bền vững thì ưu tiên tăng trưởng bền vững. Trên cơ sở tăng trưởng bền vững cần chuẩn bị cơ sở vững chắc cho những bước nhảy vọt về cơ

cấu và công nghệ nhằm đẩy nhanh quá trình trở thành nước công nghiệp ở giai đoạn chiến lược sau. Tăng trưởng bền vững đã trở thành đòi hỏi nội tại để phát triển của Việt Nam.

- Tăng trưởng vì sự phát triển toàn diện con người Việt Nam với tư cách chủ thể của sự phát triển. Con người Việt Nam được khẳng định là chủ thể của mọi sự phát triển của đất nước. Họ phải được tham gia trực tiếp và phải được hưởng thụ mọi thành quả của sự phát triển. Phát triển vì con người Việt Nam phải là mục tiêu cao nhất và bao trùm của tăng trưởng và chỉ có như vậy mới bảo đảm tính bền vững của tăng trưởng. Tăng trưởng bao trùm và bền vững xét thực chất chính là tăng trưởng vì mục tiêu cao nhất và bao trùm là phát triển toàn diện con người trong bối cảnh cải cách và hội nhập.

Đổi mới mô hình tăng trưởng, tái cơ cấu nền kinh tế phải nhằm phát huy một cách có hiệu quả nhất nhân tố con người, khai thác tốt nhất nguồn lực con người cùng vốn xã hội của họ. Lợi thế do trí tuệ của con người Việt Nam tạo ra phải là lợi thế lớn nhất và bền vững nhất; phải là yếu tố nội tại và là động lực lớn nhất của mô hình tăng trưởng bền vững và bao trùm mà Việt Nam đang hướng tới.

Đồng thời với phát triển bền vững về kinh tế và trên cơ sở những nguồn lực mà phát triển kinh tế tạo ra, cần phát triển bền vững xã hội, văn hóa và môi trường, khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo để tạo cơ hội, mở rộng cơ hội và nâng cao năng lực cho người dân với tư cách chủ thể trực tiếp tham gia và hưởng lợi từ sự phát triển bền vững đất nước trên mọi phương diện.

- Chuẩn bị tốt những điều kiện trong nước để nâng cao hiệu quả của hội nhập

quốc tế ngày càng sâu rộng của Việt Nam, chuyển hóa tốt thách thức thành cơ hội và khai thác tốt nhất những cơ hội mới do hội nhập quốc tế tạo ra. Đồng thời tạo động lực phát triển mới cho nền kinh tế từ tiếp tục đẩy mạnh đổi mới toàn diện đất nước, giải quyết tốt mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị và đổi mới xã hội.

Sự phục hồi của nền kinh tế thế giới sau khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu đang mở ra nhiều cơ hội phát triển mới cho những quốc gia hướng vào nền kinh tế xanh, công nghệ sạch, thân thiện với môi trường và phát huy tối đa nhân tố con người và vốn xã hội của họ. Nhưng đồng thời nó cũng đặt ra nhiều thách thức gay gắt mà các nước chủ động đổi mới để vượt qua nếu không sẽ ngày càng bị tụt hậu về trình độ phát triển hoặc bị rơi vào bẫy thu nhập trung bình.

Cơ hội phát triển của Việt Nam là lớn chưa từng có khi Việt Nam đẩy mạnh cải cách kinh tế trong nước và nâng cao hiệu quả của các hình thức hội nhập đã cam kết, tham gia vào những khuôn khổ hội nhập mới, ví dụ như gia nhập Hiệp định Đối tác Kinh tế Chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP). Nhưng nước ta cũng sẽ phải đối diện với nhiều thách thức lớn, như sức ép về mở cửa thị trường, cạnh tranh, cải cách thể chế để phù hợp với luật chơi mới, v.v..

Chỉ có trên cơ sở tư duy về tăng trưởng bền vững vì mục tiêu cao nhất và bao trùm là phát triển toàn diện con người Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập, chúng ta mới chuẩn bị tốt những điều kiện trong nước để phát triển và hội nhập. Xét thực chất, đó chính là mô hình tăng trưởng bền vững và bao trùm mà nhiều nước đang hướng tới như một tất yếu khách quan, mang tính phổ biến trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế hiện nay.

4.1. Quan điểm tái cơ cấu kinh tế

Để đáp ứng yêu cầu rút ngắn quá trình công nghiệp hóa đất nước trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế gắn chặt với việc từ bỏ mô hình tăng trưởng truyền thống để chuyển sang mô hình tăng trưởng bền vững và bao trùm, việc tái cơ cấu nền kinh tế Việt Nam trong giai đoạn đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, về mặt quan điểm cần nhấn mạnh:

- Tập trung mọi nguồn lực khai thác tốt nhất lợi thế tuyệt đối về địa chính trị và kinh tế, điều kiện tự nhiên, đất đai và sức lao động của đất nước và con người Việt Nam.

Theo hướng này cần tập trung khai thác tối ưu và trên quan điểm bền vững lợi thế tuyệt đối và lợi thế cạnh tranh của nền nông nghiệp nhiệt đới gió mùa, của một đất nước với hơn 90 triệu dân, trong đó gần 50% là lao động nông nghiệp và khoảng 70% dân số sống ở nông thôn; có hơn 2300 km bờ biển chạy dọc theo chiều dài đất nước, sông hồ chằng chịt, nhiều danh lam thắng cảnh và di tích lịch sử nổi tiếng; người dân chăm chỉ, cần cù, khéo tay, tiếp thu kiến thức mới nhanh, mến khách,... Đó là những lợi thế tuyệt đối của đất nước và con người Việt Nam cần phải khai thác có hiệu quả cho sự phát triển nông, lâm và ngư nghiệp; các ngành công nghiệp và dịch vụ sử dụng nhiều lao động; ví dụ như dệt, da giày, du lịch nông thôn và du lịch đô thị, trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Những sản phẩm của những ngành phát triển dựa trên lợi thế tuyệt đối phần nhiều nằm trong chuỗi giá trị thấp nhưng vẫn phải tập trung phát triển vì đó là bước đi tất yếu, mang tính quy luật của một quốc gia nông nghiệp lạc hậu thực hiện công nghiệp hóa muộn như Việt Nam. Vấn đề là ở chỗ cần phải có tác động của công nghiệp, thị trường, khoa

học và công nghệ, quản lý để giảm chi phí, tăng năng suất lao động và sức cạnh tranh của sản phẩm.

Công nghiệp và dịch vụ phải gắn chặt với nông nghiệp và nông thôn, thực sự thúc đẩy công nghiệp hóa nông nghiệp và nông thôn, góp phần từng bước hình thành nền nông nghiệp xanh, hiện đại, có giá trị gia tăng cao, an toàn và thân thiện với môi trường gắn với quá trình xây dựng nông thôn mới, đô thị mới trong nông thôn bền vững.

- Tận dụng thành công những cơ hội của hội nhập để đón nhận sự chuyển dịch các chuỗi giá trị và mạng sản xuất toàn cầu của các công ty xuyên quốc gia; tạo những bước nhảy vọt về cơ cấu và công nghệ, đi ngay và đi thẳng vào hiện đại trong một số ngành, lĩnh vực và sản phẩm ưu tiên.

Quá trình tái cơ cấu nền kinh tế toàn cầu, khu vực và quốc gia đang diễn ra rất sôi động. Hầu hết các TNC cũng đang dịch chuyển chuỗi giá trị và mạng sản xuất toàn cầu. Đây đang là cơ hội cho các nước đang phát triển thực hiện công nghiệp hóa muộn như Việt Nam. Nhưng chỉ một số ít quốc gia do chuẩn bị tốt các điều kiện trong nước mới nắm bắt được cơ hội này. Đây là một thách thức rất lớn đối với Việt Nam. Nếu chúng ta thành công trong việc chuyển hóa thách thức này thành cơ hội thì không gian phát triển cho Việt Nam là lớn chưa từng có. Đón nhận được không gian phát triển này, Việt Nam sẽ tạo ra những bước nhảy vọt cũng chưa từng có trong phát triển.

- Thị trường là quyết định, đặc khu kinh tế và cụm công nghiệp hỗ trợ là đột phá.

Quan điểm này thể hiện sự đột phá mới trong tư duy về tái cơ cấu nền kinh tế gắn với mô hình tăng trưởng bền vững và bao trùm mà nước ta cần hướng tới nhằm bảo đảm thành công trong công nghiệp hóa rút

ngắn hiện đại. Nội dung của quan điểm này sẽ được đề cập kỹ ở phần giải pháp dưới đây.

4.2. Giải pháp tái cơ cấu kinh tế

4.2.1. Thị trường là quyết định, nhà nước là nhạc trưởng, kinh tế tư nhân là động lực quan trọng nhất của tăng trưởng và tái cơ cấu nền kinh tế

Vấn đề đặt ra là cả thị trường và nhà nước đều phải làm tốt chức năng phải có của mình. Để quyết liệt đổi mới mô hình tăng trưởng, tái cơ cấu nền kinh tế nhằm mục tiêu rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, theo kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn Việt Nam, nhà nước phải đóng vai trò là bà đỡ và nhạc trưởng. Với vai trò của người nhạc trưởng, nhà nước phải làm tốt chức năng định hướng, tạo môi trường thể chế và chính sách, hỗ trợ phát triển và điều phối sự phát triển của các ngành và vùng, khắc phục sự trùng lặp về cơ cấu giữa các tỉnh trong vùng, giữa các vùng theo những định hướng ưu tiên, trọng điểm trên cơ sở lợi thế phát triển và những tín hiệu tích cực của thị trường.

Trong gần 30 năm Đổi mới, chính nhà nước Việt Nam đã chủ động và tích cực tạo môi trường luật pháp và thể chế, chính sách cần thiết cho việc từng bước hình thành đồng bộ thể chế của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Nhưng trong quá trình này, bên cạnh nhiều việc mà nhà nước đã làm tốt thì cũng còn những việc mà nhà nước chưa làm hoặc làm chưa tốt thuộc chức năng của mình. Nhà nước vẫn còn nắm những cái cần buông và buông những cái cần nắm. Trong việc giải quyết mối quan hệ với thị trường, nhà nước chưa phải lúc nào cũng tôn trọng đầy đủ những nguyên tắc phổ biến, mang tính quy luật khách quan của thị trường và kinh tế thị trường; giải quyết thanh thoát mối quan hệ

giữa tính phổ biến và tính đặc thù trong thể chế và chính sách phát triển nền kinh tế thị trường, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Cũng vẫn còn không ít trường hợp vì quá nhấn mạnh tính đặc thù mà nhà nước đã chưa thực sự coi trọng hoặc vi phạm tính phổ biến của thị trường và kinh tế thị trường và vì vậy, đã kìm hãm quá trình phát triển kinh tế thị trường đầy đủ và hiện đại ở nước ta, làm chậm quá trình rút ngắn công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tư duy can thiệp hành chính, quan liêu và bao cấp của nhà nước còn rất nặng. Xét trên khía cạnh này, nhà nước đang là lực cản của quá trình tái cơ cấu nền kinh tế, thực hiện công nghiệp hóa rút ngắn hiện đại.

Nhà nước cần và phải thực sự coi trọng những quy luật khách quan, mang tính phổ biến của thị trường và kinh tế thị trường, thừa nhận các tín hiệu tích cực của thị trường và vai trò quyết định của thị trường trong phân bổ lần đầu các nguồn lực của xã hội cho việc đổi mới mô hình tăng trưởng, tái cấu trúc nền kinh tế. Sự tham gia của nhà nước trong phân bổ các nguồn lực cho phát triển kinh tế về nguyên tắc cũng phải theo những tín hiệu tích cực của thị trường và trên cơ sở tạo lập môi trường thuận lợi về luật pháp, thể chế và chính sách để thị trường và kinh tế thị trường vận hành có hiệu quả và được kiểm soát. Nhà nước cần phải thực sự tôn trọng trên thực tế những vấn đề phổ biến, mang tính quy luật trong phát triển kinh tế thị trường đầy đủ và hiện đại và giải quyết tốt những vấn đề này trên nền đặc thù quốc gia, dân tộc và thể chế chính trị của đất nước.

Lịch sử hình thành và phát triển kinh tế thị trường và công nghiệp hóa đã minh chứng đậm nét sở hữu tư nhân là nền tảng và kinh tế tư nhân là động lực tăng trưởng

quan trọng nhất. Trong gần 30 năm đổi mới và phát triển ở nước ta, mặc dù còn những hạn chế, yếu kém và khuyết tật nhưng kinh tế tư nhân đã trở thành khu vực đóng góp cho tăng trưởng cao nhất và sử dụng nhiều lao động nhất nên đã được chính thức thừa nhận là một động lực quan trọng. Sự thừa nhận vai trò này, theo chúng tôi, chưa tương xứng với những đóng góp thực tế cho phát triển đất nước của khu vực kinh tế này. Để tăng trưởng bền vững và bao trùm, để tái cơ cấu nền kinh tế và để thành công trong công nghiệp hóa rút ngắn hiện đại cần nhìn nhận và đánh giá sát thực vai trò động lực quan trọng nhất của kinh tế tư nhân. Sự thừa nhận này là đột phá lớn trong nhận thức và tư duy phát triển, sau khi được thể chế hóa thành cơ chế, chính sách sẽ tạo những xung lực mới cho phát triển đất nước.

Đẩy nhanh quá trình hình thành đồng bộ nền kinh tế thị trường đầy đủ, hiện đại cùng thể chế vận hành có hiệu quả của nó cần được ưu tiên hàng đầu trong các nỗ lực về cải cách thể chế kinh tế trong 2 - 3 năm tới ở nước ta. Trên cơ sở này tiếp tục điều chỉnh chức năng kinh tế của nhà nước và thể chế nhà nước về kinh tế theo nguyên tắc tôn trọng vai trò quyết định của thị trường, thúc đẩy đồng bộ sự phát triển đầy đủ của tất cả các loại thị trường được gắn bó hữu cơ, minh bạch, hoạt động có hiệu quả và được giám sát trong một hệ thống thị trường hiện đại mà chủ thể tham gia là các doanh nghiệp được bình đẳng và có trách nhiệm giải trình minh bạch mọi giao dịch trong kinh doanh. Theo hướng này, mọi hàng hóa và dịch vụ gia nhập thị trường phải do thị trường quyết định. Càng kéo dài tình trạng giá phi thị trường thì càng làm cho thị trường bị biến dạng, những tín hiệu của thị trường bị sai lệch,

càng nuôi dưỡng những kẻ trục lợi gắn với lợi ích nhóm, tham nhũng. Để hoàn tất bước chuyển sang nền kinh tế thị trường đầy đủ, cần trả nôt cho thị trường quyền quyết định giá một số ít hàng hóa mà hiện nay nhà nước còn đang nắm quyền quyết định, ví dụ giá điện, giá đất.

Nhà nước cần xóa bỏ mọi rào cản về nhận thức và tư duy, về hành chính, môi trường pháp lý và chính sách để tạo môi trường thể chế và chính sách thuận lợi cho sự hình thành đầy đủ và vận hành có hiệu quả của các thị trường cấu phần; sử dụng tốt các công cụ của thị trường là chủ yếu và quyết định để định hướng thị trường và ngăn chặn, khắc phục những khuyết tật và thất bại của thị trường; sẵn sàng can thiệp một khi phát hiện thị trường hoạt động không bình thường, có dấu hiệu đầu cơ, lũng đoạn. Trên cơ sở này, thị trường đất đai, thị trường lao động, thị trường vốn, thị trường khoa học và công nghệ, thị trường hàng hóa và dịch vụ mới được tạo sân chơi tác động trực tiếp, công khai, minh bạch và có hiệu quả vào quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng, tái cơ cấu nền kinh tế theo những mục tiêu trọng điểm, ưu tiên của nhà nước.

Đất đai cần phải thực sự là một nguồn lực, nguồn vốn lớn nhất để đổi mới mô hình tăng trưởng, tái cơ cấu nền kinh tế. Điều này chỉ trở thành hiện thực khi đất đai được sử dụng trong sản xuất kinh doanh hàng hóa và dịch vụ vì mục tiêu lợi nhuận thì quyền sử dụng đất phải thực sự được coi là hàng hóa đặc biệt và phải được mua bán thuận lợi trên thị trường giữa người có quyền sử dụng đất và người muốn có quyền sử dụng đất theo những nguyên tắc của thị trường. Những người này có quyền tự do giao dịch trên thị trường theo quy định của pháp luật và chính họ mới là người quyết định giá cả

của quyền sử dụng đất với tư cách là hàng hóa theo những tín hiệu tích cực của thị trường hàng hóa quyền sử dụng đất. Cần tách biệt rõ ràng quyền sở hữu và quyền sử dụng đất đai, giải quyết tốt mối quan hệ giữa chủ sở hữu đất đai và người có quyền sử dụng đất đai theo luật định. Mọi loại đất được sử dụng trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh vì mục tiêu lợi nhuận đều phải được thị trường hóa và bắt buộc phải giao dịch trên các sàn giao dịch bất động sản hoạt động theo nguyên tắc thị trường. Nhà nước với tư cách là chủ sở hữu về đất đai cần bảo đảm quyền và lợi ích của những người có quyền sử dụng đất tham gia vào quá trình quyết định giá của hàng hóa này trên thị trường. Thí điểm việc người có quyền sử dụng đất, kể cả nông dân được góp vốn cổ phần bằng quyền sử dụng đất trong các dự án sản xuất kinh doanh.

Để thị trường lao động hoạt động tốt, cần xóa bỏ những rào cản về mặt hành chính để sự dịch chuyển lao động được thuận lợi và xác lập thị trường lao động đầy đủ trong khu vực nhà nước. Một khi thị trường lao động đã hình thành và phát triển thì về nguyên tắc tiền công, tiền lương phải phản ánh đúng giá cả sức lao động và phải phụ thuộc vào quan hệ cung cầu về lao động trên thị trường và do thị trường quyết định. Chính vì chưa tuân thủ nguyên tắc này mà cho đến nay, động lực làm việc của người lao động ở những khu vực làm công ăn lương trong nền kinh tế nước ta đã chưa được kích thích đầy đủ. Thực hiện triệt để nguyên tắc trả lương theo công việc và kết quả thực hiện công việc trong khu vực nhà nước để hình thành thị trường lao động thống nhất, bình đẳng giữa các khu vực, lĩnh vực và thành phần của nền kinh tế. Đồng thời đẩy mạnh đào tạo nghề dưới mọi hình thức để nâng cao chất lượng của các

chủ thể tham gia thị trường này, nhất là người nông dân đang phải vật lộn với nhiều khó khăn để chuyển đổi sang lao động phi nông nghiệp.

Bằng các chính sách vĩ mô đúng đắn và sử dụng hợp lý các công cụ thị trường, nhà nước cần đảm bảo cho thị trường vốn hoạt động công khai, minh bạch và hiệu quả; bảo đảm huy động tốt các nguồn vốn của xã hội và phân bổ chúng vào những lĩnh vực ưu tiên và vào những người sử dụng có hiệu quả nhất, xóa bỏ trên thực tế những ưu ái, bao cấp về vốn dưới mọi hình thức cho các tập đoàn, tổng công ty nhà nước; khắc phục những lãng phí, thất thoát, tham nhũng đang làm biến dạng thị trường vốn và làm cho thị trường này đang đầy rủi ro, nguy hiểm; buộc các doanh nghiệp thuộc tất cả các hình thức sở hữu phải hoạt động công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong mọi giao dịch thị trường.

Cần sớm xóa bỏ tình trạng bao cấp của nhà nước trong nghiên cứu cho các cơ sở khoa học và công nghệ của nhà nước, chuyển đổi các cơ sở này thành doanh nghiệp; phát triển mạnh các doanh nghiệp khoa học và công nghệ thuộc nhiều hình thức sở hữu, xóa bỏ mọi ưu ái phi thị trường cho các doanh nghiệp nhà nước, nhất là các tập đoàn kinh tế và các tổng công ty nhà nước, buộc các doanh nghiệp nhà nước hoạt động theo các nguyên tắc thị trường thì thị trường khoa học và công nghệ mới có môi trường để phát triển. Với tư cách bà đỡ, Nhà nước phải sớm giải quyết tốt các vấn đề trên; trong đó xóa bỏ bao cấp, hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp sáng tạo, xây dựng các vườn ươm công nghệ, các khu công nghệ cao trong công nghiệp và nông nghiệp với sự tham gia của tất cả các thành phần kinh tế, tạo động lực để gắn kết hữu cơ các nhà khoa học với các doanh

ngiệp sản xuất và dịch vụ, người nông dân và nhà nước, nuôi dưỡng và khuyến khích tính sáng tạo của các nhà khoa học và doanh nghiệp khoa học và công nghệ, bảo đảm cho các sản phẩm khoa học và công nghệ trong lĩnh vực kinh doanh vì mục tiêu lợi nhuận thực sự là hàng hóa được mua bán thuận lợi trên thị trường là những nội dung cốt lõi.

4.2.2. Tập trung giải quyết tốt mối quan hệ giữa gia công và chế tạo, giữa hướng mạnh vào xuất khẩu và thay thế nhập khẩu, giữa thị trường trong nước và thị trường nước ngoài, giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, giữa doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân, giữa độc lập tự chủ và hội nhập quốc tế, giữa nội lực và ngoại lực trong quá trình tái cơ cấu nền kinh tế

Việc giải quyết tốt những mối quan hệ này sẽ là một trong những yếu tố quyết định sự thành công trong đổi mới mô hình tăng trưởng, tái cơ cấu nền kinh tế theo hướng rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Giữ vững độc lập tự chủ là yêu cầu bắt buộc và là điều kiện để chủ động, tích cực hội nhập quốc tế có hiệu quả. Việc đổi mới mô hình tăng trưởng, tái cơ cấu nền kinh tế phải góp phần từng bước nâng cao năng lực nội sinh của đất nước trong phát triển. Nội lực trong phát triển là yếu tố quyết định và phải kết hợp tốt với ngoại lực để trở thành sức mạnh tổng hợp của quốc gia nhằm khai thác và sử dụng tốt các nguồn lực cho đổi mới mô hình tăng trưởng, tái cơ cấu nền kinh tế, tạo dựng một cơ sở vật chất và kỹ thuật đủ mạnh, một tiềm lực nội sinh cần thiết về kinh tế với khoa học và công nghệ hiện đại, con người và nguồn nhân lực cao, bảo đảm cho đất nước đứng vững và phát triển trong hội nhập quốc tế.

Việt Nam là nước đi sau và công nghiệp hóa muộn từ một nước nông nghiệp lạc hậu; vì vậy, trong giai đoạn đầu, nền kinh tế Việt Nam nặng về gia công, lắp ráp cho nước ngoài là tất yếu, mang tính quy luật. Nhưng phải có chính sách và lộ trình giảm dần từng bước tình trạng này, nâng cao giá trị chế tạo trong nước. Cần từng bước phát triển có hiệu quả những ngành công nghiệp nền tảng mà kể từ Đại hội Đảng lần thứ IX đã khẳng định trên cơ sở công nghệ hiện đại, nâng cao năng lực nội sinh về chế tạo, chế biến sâu của nền kinh tế nói chung và công nghiệp nói riêng. Đồng thời từng bước giảm mạnh tỷ trọng gia công, chế biến thô, xuất khẩu thô trong các sản phẩm Việt Nam được tiêu dùng trong nước hoặc xuất khẩu. Xây dựng thương hiệu Việt Nam cho một số sản phẩm hàng hóa chủ lực, có năng lực cạnh tranh toàn cầu ở những ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước.

Mối quan hệ giữa hướng mạnh vào xuất khẩu và thay thế nhập khẩu; thị trường ngoài nước và thị trường trong nước cần phải được giải quyết hài hòa dựa trên lợi thế so sánh và lợi thế cạnh tranh của đất nước, doanh nghiệp và sản phẩm cụ thể. Quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng, tái cơ cấu nền kinh tế phải tạo điều kiện cho doanh nghiệp Việt Nam đủ sức chiếm lĩnh được thị trường trong nước với dân số gần 100 triệu dân, mở rộng thị trường ngoài nước trên cơ sở cạnh tranh thực sự bình đẳng. Cần sớm khắc phục tình trạng nền kinh tế quá phụ thuộc vào khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) về tăng trưởng và xuất khẩu. Có những biện pháp quản lý và kiểm soát hữu hiệu những hoạt động không lành mạnh của khu vực kinh tế này, ví dụ như trốn thuế, chuyển giá, không chuyển giao công nghệ hoặc nâng cao tỷ lệ nội địa hóa như cam kết. Cũng cần khắc phục tình

trạng nhập siêu trầm trọng của nền kinh tế, nhất là nhập siêu với Trung Quốc; doanh nghiệp Việt Nam thua kém ngay trên sân nhà, để cho các hãng nước ngoài chiếm lĩnh và chi phối thị trường trong nước. Về nguyên tắc, nhà nước cần phải có những biện pháp bảo hộ những hàng hóa sản xuất trong nước có hiệu quả và có sức mua lớn nhưng không được vi phạm những quy định của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO).

Cần xây dựng một hệ thống các doanh nghiệp trong nước có năng lực nội sinh đủ mạnh, thắng trong cạnh tranh trên thương trường, vừa liên kết tốt với nhau trong chuỗi giá trị của những lĩnh vực, ngành và sản phẩm có lợi thế tuyệt đối của đất nước, ví dụ như sản xuất và chế biến lúa gạo; vừa tham gia ngày càng sâu rộng và hiệu quả vào chuỗi giá trị và chuỗi phân phối toàn cầu, trên cơ sở đó đem lại giá trị gia tăng nội địa ngày càng nhiều và chiếm tỷ trọng ngày càng lớn trong GDP cho đất nước. Những doanh nghiệp này phải là sản phẩm của quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng, tái cơ cấu nền kinh tế, đồng thời cũng phải là chủ thể trực tiếp thúc đẩy quá trình này.

Cần đoạn tuyệt hoàn toàn tư duy “họ xã, họ tư” để tạo lập một môi trường thực sự bình đẳng trong phát triển giữa các doanh nghiệp, công ty thuộc nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế. Xóa bỏ độc quyền doanh nghiệp mà các tập đoàn, tổng công ty lớn của nhà nước đang nắm giữ. Đẩy nhanh việc tái cơ cấu kinh tế nhà nước, trọng tâm là cổ phần hóa các tập đoàn, tổng công ty nhà nước để hình thành các tập đoàn, tổng công ty hỗn hợp đa sở hữu, hoạt động theo nguyên tắc cổ phần và chế độ quản trị hiện đại, trong đó phần lớn sẽ do tư nhân nắm giữ cổ phần không chế; đồng thời có chính sách hấp dẫn khuyến khích các

nhà đầu tư tư nhân mua lại các doanh nghiệp nhà nước có quy mô vừa và nhỏ. Trong lĩnh vực kinh doanh vì mục tiêu lợi nhuận, Nhà nước cần thoái vốn tối đa và chỉ đầu tư ở những lĩnh vực tư nhân không muốn làm hoặc trong lĩnh vực quốc phòng - an ninh, hoặc đầu tư “mồi”, hỗ trợ phát triển ngành nghề, sản phẩm mới mang thương hiệu Việt Nam đủ sức cạnh tranh toàn cầu ở một số lĩnh vực ưu tiên. Cần tạo sân chơi thực sự bình đẳng giữa doanh nghiệp tư nhân trong nước và doanh nghiệp nhà nước.

4.2.3. Phát triển các cụm công nghiệp hỗ trợ và đặc khu kinh tế - khâu đột phá để tái cơ cấu kinh tế và thực hiện công nghiệp hóa rút ngắn hiện đại

Không có công nghiệp hỗ trợ cho những ngành công nghiệp ưu tiên, mũi nhọn dựa trên công nghệ hiện đại thì không thể rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam. Đó là điều kiện tiên quyết.

Theo kinh nghiệm thế giới, nhất là kinh nghiệm của Trung Quốc, Thái Lan và Indonesia, để công nghiệp hóa thành công trong bối cảnh hiện đại của thế giới toàn cầu hóa và hội nhập nhất thiết phải phát triển mạnh công nghiệp hỗ trợ (supporting industries). Theo kết quả khảo sát của Tổ chức xúc tiến thương mại Nhật Bản (JETRO) tại các doanh nghiệp Nhật Bản đang hoạt động tại Việt Nam thì khả năng cung cấp nguyên vật liệu tại chỗ của các doanh nghiệp Việt Nam chỉ mới đạt khoảng 28%, chỉ bằng một nửa của Trung Quốc và Thái Lan. Tỷ lệ cung ứng của các công nghiệp hỗ trợ cho các doanh nghiệp Nhật Bản tại các tỉnh miền Bắc chỉ là 9,1%, tại các tỉnh miền Nam là 16,8%, trong khi số liệu tương tự ở Indonesia là 45%, Thái Lan là 52%. Công nghiệp hỗ trợ của Đà Nẵng hầu như không phát triển.

Thực trạng này cho thấy, thị trường nội địa của Việt Nam về công nghiệp hỗ trợ rất nhỏ bé mặc dù vấn đề phát triển công nghiệp hỗ trợ tại Việt Nam đã được đặt ra từ nhiều năm nay và nhiều chính sách khuyến khích phát triển một số ngành công nghiệp hỗ trợ đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 12/2011/QĐ-TTg ngày 22 tháng 2 năm 2011. Cho đến nay việc phát triển công nghiệp hỗ trợ còn gặp nhiều khó khăn, lúng túng vì chưa có quy hoạch cụ thể với lộ trình thực hiện rõ ràng. Một khi Hiệp định TPP được ký kết thì đồng thời với những cơ hội lớn thì công nghiệp nói chung và công nghiệp hỗ trợ chưa phát triển của Việt Nam nói riêng cũng sẽ đứng trước những thách thức và sức ép không nhỏ về sức cạnh tranh, công nghệ, vốn, thị trường và trình độ quản lý.

Là nước đi sau trong phát triển công nghiệp hỗ trợ, Việt Nam có thể tham khảo kinh nghiệm của các nước đi trước, nhất là một số nước trong khu vực đã có một số ngành công nghiệp hỗ trợ phát triển với công nghệ hiện đại, cung ứng sản phẩm cho một hoặc một số công ty xuyên quốc gia trong chuỗi giá trị và mạng sản xuất và mạng phân phối toàn cầu của các TNC này để từng bước phát triển một số ngành công nghiệp hỗ trợ cần thiết.

Là nước đi sau, Việt Nam không nên lựa chọn bước đi tuần tự mà thế giới đã đi, cụ thể từ doanh nghiệp, nhóm doanh nghiệp, khu công nghiệp đến hình thức cao nhất hiện nay là các cụm công nghiệp hỗ trợ. Việt Nam có thể và cần phải đi ngay và đi thẳng vào phát triển các cụm công nghiệp hỗ trợ với công nghệ hiện đại cung ứng sản phẩm cho một số TNC trên cơ sở chuẩn bị tốt những điều kiện trong nước để tiếp nhận sự chuyển dịch chuỗi giá trị và

mạng sản xuất toàn cầu, ví dụ như Honda, Samsung, Intel.

Với cách đặt vấn đề như trên, cần phát triển ở vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc, vùng kinh tế trọng điểm duyên hải Miền Trung và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, mỗi vùng một cụm công nghiệp hỗ trợ, trong đó mỗi cụm sẽ bao gồm một số khu công nghiệp hỗ trợ liên kết với nhau thành chuỗi. Để các cụm công nghiệp hỗ trợ này phát triển, theo kinh nghiệm của Nhật Bản, một nước đi đầu và rất thành công trong phát triển công nghiệp hỗ trợ, thì nhà nước cần có Quy hoạch phát triển công nghiệp hỗ trợ với lộ trình cụ thể phát triển 4 yếu tố rất quan trọng được xem là điều kiện tiên quyết gồm nguồn nhân lực, công nghệ, tài chính và đầu ra cho sản phẩm. Đồng thời cần khẩn trương xây dựng và ban hành Luật về phát triển công nghiệp hỗ trợ ở Việt Nam.

Tham gia vào khu công nghiệp, cụm công nghiệp hỗ trợ chủ yếu là doanh nghiệp tư nhân vừa và nhỏ trong nước. Họ cần được sự khuyến khích, hỗ trợ ban đầu của nhà nước về vốn, hạ tầng, nguồn nhân lực và ưu đãi về thuế. Chỉ có trên cơ sở này, các doanh nghiệp tư nhân trong nước mới chuẩn bị tốt các điều kiện để các TNC lựa chọn và chuyển giao kỹ thuật sản xuất và công nghệ hiện đại, tham gia cung ứng đầu vào trong chuỗi giá trị và mạng sản xuất toàn cầu của họ. Cũng cần có cơ chế, chính sách đủ mạnh để khuyến khích và bắt buộc các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải từng bước nâng cao tỷ lệ nội địa hóa như đã cam kết. Trong lĩnh vực sản xuất, chỉ thu hút đầu tư nước ngoài có công nghệ cao, sử dụng tiết kiệm tài nguyên, thúc đẩy phát triển kinh tế xanh, nông nghiệp sạch, năng lượng tái tạo.

Cùng với phát triển các cụm công nghiệp

hỗ trợ, Việt Nam cũng cần thí điểm phát triển khu kinh tế đặc biệt, hay còn được gọi là đặc khu kinh tế với những thể chế đặc biệt vượt trội, thoát khỏi những quy định pháp lý phát triển thông thường để theo những chuẩn mực tốt nhất của thế giới nhằm thu hút các nhà đầu tư chiến lược, trở thành cực tăng trưởng có sức lan tỏa phát triển mạnh mẽ, tạo động lực đột phá phát triển trong vùng và cả nước.

Chủ trương xây dựng đặc khu kinh tế đã được đề cập trong Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 và trong Nghị quyết Hội nghị giữa nhiệm kỳ của Ban Chấp hành Trung ương khóa VII, năm 1994. Sau hơn 20 năm, chúng ta lại đặt lại vấn đề này nhưng phải với một tư duy chính trị mang tính đột phá rất mạnh mẽ để làm cơ sở tạo dựng khung khổ pháp lý, thể chế và chính sách theo chuẩn mực tốt nhất của quốc tế nhằm tạo sự thông thoáng nhất, thuận lợi nhất và ưu đãi nhất cho các nhà đầu tư lớn và nhà đầu tư chiến lược. Rút kinh nghiệm từ những đặc khu kinh tế của Trung Quốc, nhất là Thẩm Quyển, các đặc khu kinh tế của Việt Nam phải đi ngay vào hiện đại, công nghệ cao và những ngành nghề tạo giá trị gia tăng rất lớn. Cần sớm xây dựng Luật Đơn vị hành chính, kinh tế đặc biệt để điều chỉnh hoạt động của các đặc khu kinh tế và để thành công, cần phải thu hút vốn quốc tế có uy tín bắt đầu từ việc xác định địa điểm và xây dựng Quy hoạch và thu hút các nhà đầu tư lớn của thế giới.

4.2.4. Kinh tế tri thức, khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo phải thực sự là quốc sách hàng đầu

Phát triển kinh tế tri thức, khoa học và công nghệ, nguồn nhân lực chất lượng cao cần phải được coi là định hướng chủ đạo nhằm tăng trưởng bền vững theo hướng

này, Nhà nước cần có chính sách khuyến khích sử dụng những thành quả của kinh tế tri thức, khoa học và công nghệ hiện đại để cải tạo, nâng cấp và đổi mới, hiện đại hóa những ngành công nghiệp và dịch vụ truyền thống, nâng cao rõ rệt năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh và giá trị gia tăng. Đồng thời cần phát triển nhanh và có chọn lọc một số ngành mới thuộc lĩnh vực kinh tế biển, công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghiệp giải trí và dịch vụ cao cấp với vai trò là những ngành mũi nhọn, có khả năng cạnh tranh cao trên thị trường quốc tế. Sử dụng kinh tế tri thức, khoa học và công nghệ, nhất là công nghệ sinh học, công nghệ chế biến để đẩy nhanh quá trình hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn, hình thành một nền nông nghiệp xanh, sạch. Ưu tiên sử dụng kinh tế tri thức, khoa học và công nghệ hiện đại ở những vùng kinh tế trọng điểm có sức lan tỏa lớn để tạo đột phá chuyển đổi mô hình tăng trưởng, tái cơ cấu nền kinh tế.

Điều quan trọng bậc nhất là cần phải tạo được nhu cầu thiết thân, bức xúc của nhà nước, doanh nghiệp và người nông dân về việc áp dụng những thành quả của kinh tế tri thức, mà trực tiếp và cụ thể là những thành quả của khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo. Bằng thể chế và chính sách thích ứng với những đòi hỏi của nền kinh tế thị trường hiện đại, Nhà nước phải tạo ra những xung lực vừa khuyến khích, vừa bắt buộc bằng kinh tế là chủ yếu đối với các doanh nghiệp, các chủ thể kinh doanh, đặc biệt trong khu vực kinh tế nhà nước luôn phải đặt việc áp dụng những thành tựu của khoa học và công nghệ trong danh sách hàng đầu của những suy nghĩ và hành động để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh, tăng giá trị gia tăng của

hàng hóa và dịch vụ. Những rào cản về thể chế từ nhà nước cho việc tạo cầu về khoa học và công nghệ cần phải loại bỏ một cách dứt khoát và kiên quyết. Từng bước xây dựng và nuôi dưỡng được đội ngũ trí thức đủ trình độ sánh vai được với khu vực và thế giới là cần thiết trong tầm nhìn trung hạn và dài hạn của các thể chế và chính sách có liên quan của Nhà nước.

Cần tập trung mọi nguồn lực xã hội để đẩy nhanh việc chuyển đổi nền khoa học và công nghệ nặng về nhà nước hiện nay để hình thành một nền khoa học và công nghệ nhiều thành phần, nhiều hình thức sở hữu, trong đó các doanh nghiệp sáng tạo là những chủ thể rất quan trọng. Phát triển doanh nghiệp sáng tạo, vườn ươm công nghệ, khu công nghệ cao đa sở hữu cần được xác định là khâu đột phá để tạo những xung lực mới cho sự phát triển khoa học và công nghệ nước ta. Chuyển mạnh và dứt khoát các viện nghiên cứu triển khai của nhà nước thành các doanh nghiệp khoa học và công nghệ; tái cơ cấu các doanh nghiệp này, trọng tâm là cổ phần hóa, thay đổi hình thức sở hữu và hoạt động theo nguyên tắc thị trường. Khuyến khích và hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp sáng tạo trong các tập đoàn kinh tế nhà nước và tập đoàn đa sở hữu có vốn của nhà nước.

Tăng đầu tư của nhà nước cho khoa học và công nghệ, trước mắt bằng 2% GDP để phát triển năng lực nội sinh về khoa học và công nghệ của đất nước, nhất là ở một số lĩnh vực trọng điểm và công nghệ cao, thực hiện các chương trình trọng điểm cấp quốc gia về khoa học và công nghệ. Cần rà soát, điều chỉnh Chương trình đổi mới quốc gia và có giải pháp thực hiện nghiêm túc Chương trình này.

Cần khẩn trương đổi mới cơ chế tài chính đầu tư cho khoa học và công nghệ

theo hướng nâng cao vai trò tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các Viện nghiên cứu cấp quốc gia, các Sở khoa học và công nghệ của các địa phương và các nhà khoa học; xóa bỏ bao cấp, xin cho và chủ yếu cho các doanh nghiệp nhà nước và các tổ chức khoa học và công nghệ của nhà nước. Nhà nước cần chuyển hẳn sang phương thức đầu tư phát triển khoa học và công nghệ thông qua các quỹ. Vận hành có hiệu quả các quỹ quốc gia về hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ, bao gồm cả khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và kỹ thuật lẫn khoa học công nghệ; nghiên cứu cơ bản lẫn nghiên cứu triển khai, đầu tư mạo hiểm. Đối tượng xem xét tài trợ của quỹ không chỉ khu vực nhà nước mà còn cả khu vực tư nhân theo đuổi những hướng phát triển khoa học và công nghệ trọng điểm, mũi nhọn mà nhà nước khuyến khích.

4.2.5. Thúc đẩy tổ chức lại sản xuất nông nghiệp theo hướng hiện đại gắn liền với xây dựng nông thôn mới phải là một nhiệm vụ trọng yếu của ngành công nghiệp và dịch vụ trong quá trình tái cơ cấu nền kinh tế

Trong 30 năm qua, công nghiệp và dịch vụ nước ta chưa thực sự làm tốt vai trò là đòn bẩy cho rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn. Một số yếu tố mới, hiện đại đã xuất hiện trong quá trình gắn kết giữa công nghiệp, dịch vụ với nông nghiệp nhưng nhìn tổng thể nó chưa đủ sức phá hủy hoàn toàn kết cấu cổ truyền trong nông nghiệp và xã hội nông thôn. Vai trò là cơ sở kinh tế - xã hội cho sự phát triển ổn định, bền vững của đất nước, thị trường cho phát triển công nghiệp và dịch vụ trong nước của nông nghiệp và nông thôn chưa được nhiều ngành công nghiệp và dịch vụ coi trọng đúng mức nên những ngành này đã không thực sự chiếm lĩnh được thị trường nông

ng nghiệp và nông thôn. Nhiều sản phẩm mà nông nghiệp và nông thôn cần nhưng các ngành trong nước không đáp ứng được cả về số lượng, chủng loại và chất lượng, phải dựa vào nhập khẩu của nước ngoài, chủ yếu từ Trung Quốc. Có thể nêu một ví dụ để minh chứng, hiện nay khoảng 90% máy móc nông nghiệp đang sử dụng mua ở nước ngoài, chủ yếu là của Trung Quốc.

Mối quan hệ giữa công nghiệp và nông nghiệp, dịch vụ và nông nghiệp - một trong những vấn đề cốt lõi, mang tính quy luật quyết định sự thành bại trong rút ngắn quá trình công nghiệp hóa của bất kỳ một quốc gia nông nghiệp nào cũng phải đặc biệt quan tâm khi tiến hành công nghiệp hóa - vẫn chưa được giải quyết tốt ở Việt Nam. Hiện đang đặt ra rất nhiều vấn đề phải giải quyết nhìn từ yêu cầu rất bức xúc của tái cơ cấu nền nông nghiệp theo hướng hiện đại, trọng tâm là tái cơ cấu ngành sản xuất lúa gạo trên cơ sở thị trường hóa, tập trung hóa, chuyên môn hóa, cơ giới hóa, điện khí hóa và công nghệ sinh học cao, thúc đẩy đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi và các ngành nghề phi nông nghiệp ở nông thôn có năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng cao, có sức cạnh tranh, đáp ứng yêu cầu thị trường trong nước và quốc tế.

Công nghiệp và dịch vụ trong nước phải tham gia trực tiếp giải quyết những đòi hỏi bức xúc kể trên của tái cơ cấu nông nghiệp, coi đó là một nhiệm vụ rất trọng yếu. Theo hướng này, tái cơ cấu ngành công nghiệp và dịch vụ phải thỏa mãn một cách đầy đủ nhất và có hiệu quả nhất nhu cầu của nông nghiệp và nông thôn về máy móc, phân bón, thuốc trừ sâu, chế biến, vốn tín dụng, hiện đại hóa làng nghề và phát triển các ngành nghề phi nông nghiệp tại nông thôn gắn với quá trình đô thị hóa nông thôn, v.v.. nhằm giành lại thị trường

tiềm năng rất lớn này từ tay công nghiệp và dịch vụ của nước ngoài. Sự tác động này cũng phải tạo cơ sở để nông nghiệp và nông thôn áp dụng những thành tựu của khoa học và công nghệ hiện đại, tạo tiền đề công nghiệp, công nghệ và thị trường, đô thị cho nông nghiệp và nông thôn để đẩy nhanh hơn nữa quá trình phá vỡ kết cấu truyền thống trong nông nghiệp và nông thôn hiện đang là lực cản của quá trình tổ chức lại sản xuất nông nghiệp theo hướng hiện đại và của quá trình thị trường hóa, công nghiệp hóa và đô thị hóa bền vững nông nghiệp và nông thôn.

Thương mại nhà nước và tập thể phải hướng mạnh về nông nghiệp, nông thôn và nông dân, về cơ bản phải chiếm lĩnh được thị trường bằng lợi thế và sức mạnh trong cạnh tranh để góp phần tổ chức lại khâu lưu thông trong nông nghiệp và nông thôn, đấu tranh và ngăn chặn những thương lái tư nhân có hoạt động tiêu cực, đầu cơ trục lợi, bóc lột người nông dân trên cả thị trường đầu ra lẫn thị trường đầu vào. Phát triển mạnh các hình thức liên kết du lịch sinh thái, du lịch tâm linh và du lịch nghỉ dưỡng ở các vùng nông thôn có tiềm năng và lợi thế phát triển, trong đó các công ty du lịch tư nhân phải đóng vai trò “đầu ròng” và dựa trên nguyên tắc cổ phần là phổ biến.

Trong gần 40 năm qua, nền nông nghiệp Việt Nam về cơ bản được tổ chức trên nền tảng của việc giao đất sử dụng lâu dài cho kinh tế hộ của người nông dân. Cùng với thể chế thị trường, hội nhập và sự đầu tư hỗ trợ của nhà nước, hình thức tổ chức sản xuất lấy hộ nông dân là chủ thể, là đơn vị sản xuất cơ bản đã góp phần tạo nên những kỳ tích phát triển của nông nghiệp. Nhưng sau nhiều thập kỷ, hình thức tổ chức này cũng dần bộc lộ rõ những yếu điểm của nó trước yêu cầu thị trường hóa và công

nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp dưới tác động của toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, và vì thế trong khoảng 5 năm gần đây, những động lực phát triển do kinh tế hộ tạo ra đã giảm đi rất nhiều. Sản xuất của các hộ nông dân về cơ bản vẫn dựa trên sự phân tán, nhỏ lẻ, manh mún của những thửa ruộng được giao, lao động thủ công là chủ yếu đang là trở ngại rất lớn cho việc cơ giới hóa, áp dụng tiến bộ khoa học và kỹ thuật, hình thành các vùng sản xuất chuyên môn hóa, nâng cao sức cạnh tranh và giá trị gia tăng của sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam, nhất là những sản phẩm chủ lực, mũi nhọn. Trở ngại này cần được xóa bỏ trên cơ sở tổ chức lại sản xuất nông nghiệp. Đây cần được coi là yêu cầu trọng yếu của quá trình tái cơ cấu nông nghiệp và nông thôn nước ta đến năm 2020. Bài học thành công bước đầu của sự liên kết giữa doanh nghiệp, người nông dân và nhà khoa học với sự hỗ trợ về cơ chế, chính sách của Nhà nước để hình thành những cánh đồng mẫu lớn ở một số tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long hoặc chăn nuôi bò, chế biến sữa ở Nghệ An đã khẳng định một hướng đi đúng cần được tổng kết và mở rộng và nên được xác định là một khâu đột phá để tổ chức lại sản xuất nông nghiệp trên cơ sở quy mô lớn, chuyên canh, chuyên môn hóa theo hướng hiện đại của nền nông nghiệp nước ta.

Trong hình thức tổ chức sản xuất mới dựa trên sự liên kết 4 nhà này, sự tham gia liên kết tự nguyện của người nông dân là rất quan trọng nhưng để thành công cần nhấn mạnh vai trò đầu tàu của các doanh nghiệp nông nghiệp trong việc hợp đồng liên kết với người nông dân tự nguyện góp quyền sử dụng đất để cùng sản xuất theo yêu cầu của thị trường thế giới và trong nước; đảm nhận việc cung cấp giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, hướng dẫn kỹ thuật và

công nghệ mới, bao tiêu sản phẩm với giá ổn định và có lãi cho người nông dân, bảo đảm lợi ích hài hòa của các bên tham gia. Thí điểm việc người nông dân góp vốn cổ phần bằng quyền sử dụng đất trong hình thức tổ chức mới này. Nhà nước cần hỗ trợ một số doanh nghiệp nông nghiệp có đủ thực lực làm đầu tàu dẫn dắt người nông dân trong hình thức tổ chức liên kết 4 nhà để từng bước xóa bỏ những tiêu cực của hệ thống thương lái trung gian đang làm giàu trên vai người nông dân và người tiêu dùng trong nước.

4.2.6. Tái cơ cấu đầu tư công

Nhà nước trên cơ sở thừa nhận quyền quyết định của thị trường trong việc giải quyết mối quan hệ giữa nhà nước và thị trường khi phân bổ các nguồn lực đẩy mạnh công nghiệp hóa và hiện đại hóa để từ đó khẳng định, sự phân bổ nguồn lực của Nhà nước cho phát triển kinh tế cũng phải theo những tín hiệu tích cực của thị trường, tạo môi trường thể chế và chính sách để thị trường phân bổ nguồn lực có hiệu quả, tăng cường giám sát và sẵn sàng can thiệp chủ yếu bằng các công cụ của thị trường khi thị trường có trục trặc, tiềm ẩn rủi ro cho các nhà đầu tư. Nhà nước cần chuyển mạnh từ đầu tư trực tiếp kinh doanh thông qua các doanh nghiệp nhà nước sang đầu tư hỗ trợ phát triển cho các doanh nghiệp không phân biệt hình thức sở hữu, thành phần kinh tế; xóa bỏ sự độc quyền và mọi ưu ái về đất đai, vốn và chính sách cho các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước. Thoái vốn đầu tư trực tiếp của Nhà nước trong các doanh nghiệp nhà nước để Nhà nước có thêm nguồn lực hỗ trợ phát triển các lĩnh vực khác ngoài kinh tế trong quá trình tái cơ cấu khu vực kinh tế nhà nước là việc làm cần thiết mà Nhà nước không thể không thực hiện.

Một vấn đề phổ biến, mang tính quy luật trong phát triển kinh tế thị trường mà bất cứ một nhà nước nào, không phân biệt chế độ chính trị cũng phải tuân thủ là phân vai giữa kinh tế tư nhân và kinh tế nhà nước. Nhìn chung ở hầu hết các quốc gia trên thế giới, nhà nước chỉ đầu tư vào những lĩnh vực mà tư nhân không muốn làm vì lợi nhuận không hấp dẫn, thường là lĩnh vực cung cấp hàng hóa và dịch vụ công, hoặc là lĩnh vực quốc phòng và an ninh mà nhà nước không cho phép làm. Nhà nước không nên đầu tư vào những lĩnh vực mà tư nhân làm tốt hoặc với sự hỗ trợ phát triển của nhà nước có thể vươn lên làm tốt. Nhà nước cần sử dụng công cụ đầu tư công như là một đòn bẩy kích thích sự phát triển của những ngành then chốt, những ngành tạo năng lực cạnh tranh mới của nền kinh tế, vùng kinh tế trọng điểm, khu kinh tế tự do có sức lan tỏa lớn trong phát triển với sự tham gia bình đẳng của tất cả các thành phần kinh tế, doanh nghiệp.

Đồng thời từ yêu cầu thực tế của đất nước trong phát triển bền vững, Nhà nước cần tăng tỷ lệ đầu tư công nhằm hỗ trợ phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội ở nông thôn, vùng miền núi, giải quyết tốt hơn những vấn đề về an sinh xã hội, khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, văn hóa, môi trường và phát triển con người. Theo hướng này, chi từ ngân sách nhà nước cho phúc lợi xã hội, cho phát triển con người cần được coi là đầu tư cho phát triển bền vững vì con người. Nhà nước cần chuyển từ đầu tư trực tiếp cho phát triển kinh tế là chủ yếu sang đầu tư hỗ trợ phát triển bền vững là chủ yếu, trong đó phát triển kinh tế phải hài hòa với phát triển các lĩnh vực khác và bằng nguồn lực của toàn xã hội, Nhà nước không phải là người đầu tư duy nhất và quyết định nhất.

